

NĂM DẦN NÓI CHUYỆN HỔ TRONG ĐỜI SỐNG NGƯỜI VIỆT

*Đặng Thị Quốc Anh Đào**

Trong đời sống của người Việt, hổ là một trong số những động vật được gọi với nhiều tên gọi nhất. Cùng với những tên hiệu phong phú của mình, hổ đã trở thành một hình ảnh quen thuộc trong đời sống, xuất hiện nhiều trong tục ngữ - ca dao, văn học, nghệ thuật, tín ngưỡng dân gian... Thái độ của con người đối với hổ chuyển biến từ sợ hãi, tôn thờ hổ, đến chiến đấu thắng hổ, rồi thuần dưỡng hổ. Như vậy, từ hình tượng hổ ngoài đời, hổ trở thành một hình tượng văn hóa trong đời sống của người Việt.

Năm 2010, theo lịch của Việt Nam là năm Canh Dần (còn gọi là năm con hổ). Cũng thật lạ, trong 12 con giáp, Dần đứng vị trí thứ ba, nhưng lại ứng với tháng đầu tiên của năm (tháng Giêng được gọi là tháng Dần). Nhân dịp chào xuân mới năm 2010, bài viết tổng hợp, sưu tầm những thông tin về hổ, qua đó thấy được vị trí của hổ trong đời sống của người Việt như lời chúc mừng xuân mới Canh Dần.

In Vietnamese life, tiger is one of the animals called under most names. Together with its plentiful names, tiger becomes a familiar image in appearances in proverbs, folk – verses, literature, art, beliefs... Human's attitude towards tiger changes from being frightened and worshipping tiger to fighting and taming tiger. Thus, tiger has become a culture symbol in Vietnamese life with a normal animal image.

According to Vietnamese calendar, the year 2010 is Canh Dan year (called also the Tiger year). The strange thing is that in 12 animal designations, although Dan is the third, it is also the first month of the year (January is called Dan month). This article synthesized and collected tiger's informations in order to know the place of tiger in the Vietnamese's life as a wish "Happy New Year – Canh Dan".

Năm Dần theo dân gian được coi là năm con cọp hay năm con hổ. Hổ có tên khoa học là *Panthera tigris* thuộc họ mèo *Felidae*, bộ ăn thịt *Carnivora*. Là loài thú sống chủ yếu ở các khu rừng già với địa bàn cư trú rộng theo lối sống độc thân không bầy đàn. Đây là loài thú uy nghi, hùng dũng với bộ lông có nền màu vàng da bò hay vàng nhạt, toàn thân có nhiều vằn màu đen hoặc nâu đen, phía sau tai, cằm và họng có màu trắng. Đặc biệt tại Ấn Độ có loài hổ bạch rất quý hiếm với sắc lông màu trắng và vằn màu đen. Hổ có cỡ lớn nhất trong họ mèo với chiều dài cơ thể khoảng 1,6m, đuôi dài 0,8m, độ dài bàn chân sau khoảng 0,3m, với trọng lượng cơ thể khi trưởng thành nặng trung bình khoảng từ 106kg đến 180kg. Hổ cư trú chủ yếu tại vùng Xiberi (Nga), các quốc gia tại Đông Nam Á, Ấn Độ và Trung Quốc. Là động vật ăn thịt, hổ có bộ móng vuốt sắc bén, răng nhọn và khả năng đánh hơi rất tốt. Hổ có thân hình to lớn nhưng di chuyển hết sức nhẹ

nhàng, không gây tiếng và cực kỳ kiên nhẫn trong khi rình mồi. Hổ không phải là con vật nhút nhát, nhưng không liều lĩnh, rất khôn ngoan và dè dặt. Chính vì thế săn hổ là một việc hết sức khó khăn, đòi hỏi nhiều kinh nghiệm. Hổ bị săn bắn nhiều bởi bộ lông đẹp và răng sắc nhọn của hổ là đồ trang sức, trang trí được yêu thích. Ngoài ra, các bộ phận của hổ, đặc biệt là xương có nhiều công năng trong y học. Chính điều đó, cùng với việc rừng bị đốt phá, khan hiếm mồi, sinh sản ít đã làm số lượng hổ giảm đi đáng kể và trở thành một loài thú quý hiếm đang có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Ở nhiều nước, từ xa xưa hổ là một con vật linh thiêng bởi sự hùng dũng, dữ tợn của nó. Con người rất sợ nên thần thánh hóa và thờ cúng hổ. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng vậy, có rất nhiều những tình cảm mà con người dành cho động vật này. Hổ được xem như là con vật biết mến chủ như chó, mèo và cũng biết trả ơn cho chủ của nó. Hình

ảnh đó được phản ánh qua nhiều giai thoại và các câu chuyện. Nổi bật gần đây là tình bạn kỳ lạ giữa chú hổ Bengal và cậu bé Pi trong tác phẩm văn học nổi tiếng *Cuộc đời của Pi* của nhà văn Yann Martel.

Nước ta là một trong những địa bàn cư trú chính của hổ. Thái độ của con người đối với hổ chuyển biến từ sợ hãi, tôn thờ hổ, đến chiến đấu thắng hổ, rồi thuần dưỡng hổ. Hổ đã trở thành một hình ảnh quen thuộc trong đời sống xã hội của người Việt, xuất hiện nhiều trong tục ngữ - ca dao, văn học, nghệ thuật, tín ngưỡng dân gian... Như vậy, từ hình tượng hổ ngoài đời, hổ trở thành một hình tượng văn hóa.

Cũng thật lạ, trong 12 con giáp, Dần đứng vị trí thứ ba, nhưng lại ứng với tháng đầu tiên của năm (tháng Giêng được gọi là tháng Dần). Và cũng thật thú vị khi trong tháng Dần của năm Dần ta lại nói chuyện về Dần (hổ).

1. Tên gọi của hổ:

Tại Việt Nam, ngoài tên gọi là hổ, còn có các tên gọi khác như dần, cạp, hùm, khải, kênh. Theo quan điểm của các nhà nghiên cứu, dần là tên gọi theo hình thức bên ngoài của con vật. Dần là cách lệch âm của từ “rắn”, hoặc “vằn”. Cạp là cách gọi theo hình thức sản mồi của con vật này, là chụp, chộp lấy con mồi. Bên cạnh đó, vì hổ không những hung dữ mà còn khoẻ mạnh và nhanh nhẹn vô cùng, cứ thoát hiện thoát biến, rất khó đối phó, con người sợ nên kiêng và gọi bằng tên khác như: Chúa sơn lâm, Ông Dần, Ông Ba mươi, Ông Thầy, Ông Cà Um. Ngoài ra hồn ma của những người bị hổ cắn chết còn có tên gọi riêng đó là ma trành. Trong cách gọi thân mật, gần gũi người ta thường gọi hổ với tên gọi Ông Ba mươi. Hổ có tên gọi này vì trong dân gian trước đây truyền rằng, vào thời vua Gia Long, có chính sách nếu ai giết được hổ thì được thưởng cho ba mươi quan tiền, đồng thời bắt nằm xuống đất để lính đánh đòn ba mươi roi gọi là phạt “tội giết hổ”. Đánh, chi là đánh vờ. Để hồn ma của con hổ chết không về báo oán dân làng. Ngoài ra do đặc tính của hổ là săn mồi trong đêm tối, nên được gọi tên là Ông Ba mươi (vì đêm 30 là đêm trời tối nhất). Như vậy, vì nể sợ, kính trọng mà con người đã có rất nhiều tên gọi khác nhau cho con vật này.

2. Hổ trong y học dân tộc:

Theo y học dân tộc, hiếm có con vật nào mà hầu hết các bộ phận của cơ thể lại có chức năng làm được liệu như hổ. Thịt hổ để trị bệnh phong thấp, nhức mỏi và bồi bổ khí lực; răng hổ mài ra thành bột để bôi vào các vết lở; dạ dày hổ trị bệnh ói mửa; huyết hổ hòa với rượu khi uống có tác dụng tăng cường sinh lực; móng vuốt của hổ bịt cùng trang sức đeo cho trẻ em thì trừ gió độc; râu hổ trị nhức răng; mỡ hổ dùng để thoa bóp các vết bầm, trị ghê lở; mắt hổ được dùng để trị bệnh loạn trí, cuồng trí....

Được liệu nổi tiếng nhất làm từ cốt hổ (xương hổ) là tinh hổ cốt và cao hổ cốt. Trong cốt hổ có các chất như acides amines, calcium, chlorures, phosphates, đây là những chất bổ, cần thiết để tiếp sức cho bệnh nhân yếu sức, ăn mất ngon... Cao hổ cốt có tác dụng đặc biệt trị chứng “bán thân bất toại”, chứng ống chân sưng, đau, tê, nhức của người lớn tuổi. Ngoài ra còn có bài thuốc là “Độc hoạt ký sinh gia hổ cốt” để trị gân cốt yếu, sụp bại hai chân.

Tuy nhiên, có lẽ do chúng ta vẫn còn tâm lý tin rằng những khả năng của loài hổ như sức mạnh, sự hùng dũng và sự thông thái có thể truyền vào con người nếu sử dụng các bộ phận của hổ hay các sản phẩm từ hổ. Điều này dẫn đến một áp lực lớn trong việc bảo tồn động vật này ở đời sống thiên nhiên hoang dã.

3. Hổ trong văn học:

Trong đời sống của người Việt, hổ là một trong số những động vật được gọi với nhiều tên gọi nhất. Cùng với những tên hiệu phong phú của mình, hổ đã xuất hiện rất nhiều trong kho tàng tục ngữ, ca dao, thành ngữ của Việt Nam dù hổ không là con vật sống lân cận cùng người.

Hổ tượng trưng cho tài năng, sự dũng cảm, chính vì thế có những câu như *Hổ phụ sinh hổ tử* ý nói người con giỏi như cha của mình, *Vuốt râu hùm, xia răng cạp* để chỉ hành động dũng cảm, liều mạng hay như câu *Không vào hang cạp sao bắt được cạp con*. Âm chi anh hùng, bắt khuấy, dù chết đi rồi tính anh hùng vẫn còn đó có câu *Hổ tử hùng tâm tại*. *Long tranh hổ đấu* dùng để chỉ những trận đấu đẹp, khó phân thắng thua hay sự cạnh tranh tài nghệ. Khi

sa cơ thất thế, người ta thường than rằng *Hồ xuống bình nguyên bị chó lớn*.

Nhưng hồ cũng là loài thú tượng trưng cho sự hung dữ và cái ác. *Dưỡng hổ di họa* khuyên con người đừng nên tự gieo họa cho chính mình. Câu *Sa vào miệng cọp* ám chỉ tình trạng nguy hiểm, ngặt nghèo. Khi gặp cảnh oái ăm, không thể tiến lùi thì có câu *Lỡ leo lưng cọp*. Câu *Hùm dữ chẳng ăn thịt con* nhắc đến tình thương bao la của cha mẹ dành cho con cái và ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử.

Hồ cũng được đem ra ví von để mỉa mai, chế giễu những người hèn hạ, nhút nhát, gàn dở..., đại loại như *Miệng hùm gan sứa*, *Cáo mượn oai hùm* hay *Họa hổ bất thành phân loại cầu* hay *Đàm hồ biến sắc*.

Trong đời nhân xử thế người Việt mượn hình tượng hồ để đưa ra những lời khuyên. *Họa hổ họa bì nan họa cốt*, *Tri nhân tri diện bất tri tâm* khuyên con người chớ vội vã cả tin, coi trọng diện mạo bên ngoài mà đánh giá sai lệch bên trong. *Đuôi hùm của trước, rước sói của sau*, chống kẻ ác này nhưng lại chìa tay với kẻ ác khác không phải là cách ứng xử thông minh. *Thả hổ về rừng* khuyên nhủ con người trong cuộc sống không nên dung túng kẻ ác, nếu thế chẳng khác gì thả hổ về rừng. Hoặc mượn câu *Cọp chết để da, người ta chết để tiếng* với mong muốn trong cuộc sống con người cần sống tốt để là người hữu ích, rạng rỡ cho cả đời sau.

Nhằm đưa ra những mưu kế để kẻ yếu thắng kẻ mạnh có các câu như *Điều hổ ly sơn* hay *Mãnh hổ nan địch quần hồ*.

Hồ cũng xuất hiện nhiều trong các truyện dân gian như cổ tích hay ngụ ngôn của văn học Việt Nam. Truyện Trí khôn của ta đây, giải thích vì sao hồ có bộ lông vằn, trâu chỉ có một hàm răng. Truyện Khí và hồ cho chúng ta cách nhìn thú vị vì sao khí chết khi hay nhăn răng cũng như vì sao hồ và khí lại rất ghét nhau. Qua các truyện ngụ ngôn như *Hồ và cóc*, *Đè đội lột cọp* cho người đọc nhiều lời khuyên có giá trị trong cuộc sống.

Trong cuộc sống của người Việt, có rất nhiều câu chuyện kể về hồ với nội dung phong phú, truyện

kể về người đánh hồ để nêu cao gương anh hùng của con người trong công cuộc khai hoang, chống chọi với thiên nhiên để tồn tại, hay các truyện kể về việc hồ trả ơn cho con người, nổi bật là truyện kể *Bà Mẹ Trời đỡ đê cho hồ*.

Hồ cũng xuất hiện trong truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, khi Trịnh Hâm định hãm hại Lục Vân Tiên:

Trịnh Hâm trong dạ guom dao

Bắt người đồng tử trói vào gốc cây

“Trước cho hùm cọp ăn mây,

Hại Tiên phải dụng mưu này mới xong”

Vân Tiên ngồi những đợi trông

Trịnh Hâm về nói tiểu đồng cọp ăn

Trong kho tàng văn học dân gian Nam Bộ, có hàng loạt truyện nói dối, nói sáo nôm na như: Ông Ó ở Bến Tre với truyện *Hàng Dừa của bà Huyện* và bác Ba Phi ở Minh Hải với truyện *Cọp xay lúa*. Ông Ó quê ở Bến Tre là một cây “nói sáo”, những “pha” phóng đại đến ngoa ngoắt hóm hỉnh về hồ như sau: một lần có con cọp từ rừng chạy ra ăn dừa, bị ông Ó bắt gặp. Ông bèn nắm lấy đuôi cọp, đá một cú song phi vào bụng nó, làm cho cọp ỉa vãi ra... một loạt trái dừa. Nơi ấy về sau mọc lên một hàng dừa thẳng bằng như kẻ chỉ. Trong bộ *Chuyện đời xưa* của Trương Vĩnh Ký gồm 74 chuyện, đã có 9 chuyện lấy đề tài bàn về cọp.

Ở mảng văn học viết, hình ảnh hồ được dùng một cách thú vị trong đoạn thơ đối đáp giữa Phạm Đình Hồ và nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Nhà thơ Huỳnh Đình Ngươn có bài thơ *Cọp về*, châm biếm những kẻ cúi luồn trước bọn thực dân để hưởng bổng lộc chứ chẳng có tài cán gì:

Đứng xa trông thấy dạng sùm sùm

Gần lại mà xem chẳng phải hùm

Nanh vuốt vốn không cha mẹ đẻ

Vệt vằn nhờ có phần sơn giùm

Nổi tiếng và giàu chất thơ hơn cả là hình ảnh hồ trong bài thơ *Nhớ rừng* của Thế Lữ, tác giả đã mượn hình ảnh con hồ trong vườn Bách thảo tượng

trung cho người anh hùng sa cơ thất thế:

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài trong ngày tháng dần qua,

Khinh lữ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,

Giương mắt bé diễu oai linh rình thăm...

... Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ

Thuở tung hoành hống hách những ngày

xưa

Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già

Với tiếng gió gào, với giọng nguồn hét núi

Mỗi khi thét khúc trường ca dữ dội,

Ta bước chân lên đồng dục, đường hoàng,

Lượn tám thân như sóng cuộn nhịp nhàng,

Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc...

4. Hồ trong tín ngưỡng dân gian:

Ngày xưa, trong cuộc sống của cư dân Việt, một trong những lực lượng thiên nhiên hoang dã mà con người phải đối chọi, rùng rợn nhất là hồ. Có một thời con người đành bó tay sợ hãi, bất lực trước sự hoành hành của hồ, phải gọi chúng bằng Ông, Ngài, và hồ được đưa vào miếu thờ với sức mạnh chúa sơn lâm để canh giữ bảo vệ đình miếu. Như vậy, từ lâu trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam, con hồ là con vật đã được tôn thờ.

Ngoài việc xuất hiện trong tranh thờ Ngũ hồ, hình ảnh hồ xuất hiện trong nhiều đền, đài, miếu, đình... của người Việt. Trong tâm thức dân gian, hồ tượng trưng cho sức mạnh, dân gian đã thần thánh hồ, cho hồ một sức mạnh thiêng liêng trừ được ma quỷ. Có hình hồ trấn giữ ở ngưỡng cửa thì các thế lực tà ma sẽ không dám thâm nhập. Dân gian có tục lệ là vào ngày mồng ba Tết Nguyên Đán, sau khi cúng đưa ông bà xong, thường dán trước cửa nhà mảnh giấy hồng có hình cộp với lòng tin là Ông Ba mươi sẽ trấn giữ không cho những thứ hiểm độc vào nhà. Ông già, bà cả còn truyền dạy: nếu trẻ con khóc đêm thì người mẹ phải lén “ăn trộm” hình vẽ Chúa sơn lâm để trong gối nằm của trẻ thì chúng sẽ hết khóc.

Một trong những tượng hồ nổi tiếng là tượng

hồ tại Lăng Trần Thủ Độ ở Thái Bình. Tượng hồ làm bằng đá vôi ở lăng Trần Thủ Độ dài 1,40 mét, pho diễn một sức mạnh kiêu dũng, như bùng lên chất sừ thi bi tráng của người có công tạo dựng triều Trần. Phù điêu hồ ở nước ta có từ thời Trần, Lê trên nhang án đá chùa Đại Bi (Hà Tây, năm 1361) như hiện thân của thần... một biểu tượng văn hóa tâm linh.

Ngoài việc thờ hồ tại các đền, đình, miếu... để trấn giữ không cho các thế lực tà ma thâm nhập, người Việt còn có các miếu thờ hồ riêng để hồ không làm hại dân lành. Hầu hết các ngôi đình của người Việt, đặc biệt là người Việt ở Nam Bộ đều có miếu thờ Ông hồ. Miếu được xây dựng cạnh bờ sông, hoặc trước sân đình, nhằm mong muốn ông bảo hộ cho dân làng, bảo vệ đất đai, mùa màng. Hồ trong ký ức của người dân Việt biểu thị cho một sức mạnh thiên nhiên vừa có thể hại người vừa có thể giúp người.

5. Hồ trong nghệ thuật:

Là một loài linh thú được nhân dân thờ cúng từ lâu, hồ đã được dựng thành biểu tượng qua nhiều chất liệu của tạo hình: gỗ, đá, vôi giấy, đất nung, tranh vẽ, tranh cắt giấy... có ở hầu khắp các công trình: đền, miếu, đình, lăng mộ v.v... Nhưng mẫu tranh được biết đến nhất qua nhiều thế hệ đó là tranh Ngũ hồ của phố Hàng Trống (Hà Nội) ngày xưa. Tranh Hàng Trống có nhiều chủ đề mang nhiều chức năng khác nhau. Trong đó, tranh Ngũ hồ thuộc thể loại tranh mang tính chất tôn giáo – tín ngưỡng, là loại tranh thờ bên cạnh các bộ tranh Tứ phủ, Tam phủ, vẽ các bà Mẫu Thoái, Thượng Thiên, Thượng Ngàn, và các đức Thánh Trần, ông Hoàng, cậu Quân. Tranh Ngũ hồ là loại tranh thông qua hình tượng hồ thể hiện rõ triết lý âm dương – ngũ hành của tư tưởng phương Đông. Nét tuyệt đẹp của tranh Ngũ hồ là độ tinh tế và sắc xảo khi thể hiện tính cách, bản chất của hồ và tính lung linh đa dạng của màu sắc. Tranh Ngũ hồ bao gồm năm nhân vật: Hoàng hồ (màu vàng), ở vị trí trung tâm tượng trưng cho hành Thổ; Thanh hồ (màu xanh), tượng trưng cho hành Mộc; Hắc Hồ (màu đen), tượng trưng cho hành Thủy; Bạch Hồ (màu trắng), tượng trưng cho hành Kim; Xích hồ (màu đỏ), tượng trưng cho hành Hỏa. Bên cạnh đó, còn có những tranh hồ đơn như hồ vàng, hồ trắng, hồ đen.

Tranh Hàng Trống sinh ra và tồn tại suốt nhiều thế kỷ, để phục vụ nhân dân kinh thành, là nghệ thuật dân gian, song nó đã vượt lên trên chất mộc mạc, đạt được sự tinh tế và bề thế, thỏa mãn được thị hiếu của người Hà thành thanh lịch.

Và phải có vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng – tâm linh của người dân, hồ mới được dành cho một vị trí trang trọng trong loạt các chủ đề của tranh Hàng Trống cũng như là hình ảnh tượng trưng cho ngũ hành, yếu tố mà theo triết lý phương Đông “tất cả vũ trụ vạn vật đều do năm khí đó mà biến hóa ra”. Ngoài ra trong nghệ thuật tranh Đông Hồ nổi tiếng của Bắc Ninh, nổi bật có tác phẩm “Huyền Đàn trấn môn” với hình ảnh thần Huyền Đàn canh giữ cửa và cưỡi trên lưng hổ.

Hình ảnh hổ luôn xuất hiện trong điêu khắc của các công trình kiến trúc như đình, miếu, điện đài, lăng tẩm... vừa mang tính chất tôn thờ, vừa cầu mong với sức mạnh đầy uy lực, hổ có thể xua đuổi, trừ khử tà ma và các thế lực đen tối khác. Trong nghệ thuật điêu khắc cổ của Việt Nam, mô típ hổ vô môi, hổ và đại bàng, hổ trong trăng... thường được dùng đến để diễn tả sức mạnh, ý chí, và cũng là chất thơ và sự lãng mạn trong vẻ lạnh lùng, dữ tợn của Chúa sơn lâm.

Hồ cũng có một vị trí khá trang trọng trong các loạt tem của ngành bưu chính Việt Nam. Đầu tiên đó là con tem “Hổ vàng” của họa sĩ Lê Thanh Đức trong bộ tem “Thú rừng lớn” năm 1964. Đến năm 1971, họa sĩ Trần Lương thiết kế bộ tem “Ngũ hổ” dựa theo chủ đề cùng tên của tranh Hàng Trống ngày xưa, bao gồm tem “Ngũ hổ” và 5 tem hồ đơn là hồ vàng, hồ đen, hồ trắng, hồ xanh, hồ đỏ. Đây là một bộ tem rất đẹp phản ánh một loại hình nghệ thuật dân gian ngày xưa của cư dân vùng đất Thăng Long. Năm 1981, trong bộ tem “Thú rừng Cúc Phương”, họa sĩ Nguyễn Hiệp vẽ tem “Hổ vàng” đang thông dong cất bước. Chủ đề về “Hổ vàng” cũng xuất hiện trong các bộ tem năm 1984, 1993, 1996, 1998 với nhiều tư thế và kiểu dáng khác nhau của hổ. Để mừng năm mới Canh Dần (2010), ngành bưu chính nước ta cũng sẽ tiếp tục ấn hành những bộ tem mới về hổ, không đơn thuần là một sản phẩm của nghệ thuật mà thông qua đó truyền tải thông điệp nhằm nâng cao nhận thức của người dân về

việc bảo tồn loài thú quý hiếm này.

6. Hồ trong các trò diễn dân gian:

Nhắc đến các trò diễn dân gian liên quan đến hồ không thể không nhắc đến trò đấu giữa hổ và voi được tổ chức tại hồ khuyển hay còn gọi hồ quyền, đấu trường độc đáo ở Việt Nam được xây dựng dưới triều vua Minh Mạng vào năm 1830 tại thôn Trường Đá, làng Thủy Biều (nay là thôn Trường Đá, xã Thủy Biều, thành phố Huế). Trò diễn đấu giữa voi và hổ được tổ chức không đơn thuần chỉ là một hoạt động giải trí, tiêu khiển mà còn dùng để huấn luyện cho voi sự can đảm, bởi lẽ voi có một vai trò vô cùng quan trọng trong “đội quân” của triều đình lúc bấy giờ. Voi được xem là đại diện cho sức mạnh và quyền lực của nhà vua và triều đình, còn hổ chính là biểu trưng của cái ác và những thế lực đen tối. Hồ dùng cho các trận đấu sau này thường được bê nanh và nhổ móng vuốt để đảm bảo phần thắng thuộc về voi. Để có hổ phục vụ cho những cuộc đấu này, triều đình ra lệnh cho người dân ở các vùng bắt sống hổ. Một trong những làng bắt hổ nổi tiếng thời đó là làng Thủy Ba, xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.



Hình 1: Khu di tích Hồ quyền với năm cổng thông với chuồng hổ

Hồ quyền là một đấu trường hình vành khăn gồm hai vòng tường gạch, vòng trong cao 5,9m, vòng ngoài cao 4,75m, giữa là một lớp đất dày 4-5m. Tường nghiêng so với mặt đất một góc khoảng 80 độ. Đường kính bên trong hồ quyền có kích thước 44m, vòng tường ngoài có chu vi 140m. Quanh vòng tường ở phần dưới có năm cửa chuồng cọp và một cửa vòm cho voi ra vào. Khán đài vua ngồi quay mặt về hướng đông nam của đấu trường, được xây cao hơn so với các vị trí xung quanh. Bên trái khán đài là hệ thống bậc cấp đi lên gồm 24 cấp dành cho vua và đình thần. Bên phải khán đài có một hệ thống bậc

cấp khác xây tương tự dành cho các quan, binh lính và thân hào nhân sĩ. Cuộc đấu cuối cùng giữa voi và hổ được tổ chức tại hồ quyền vào năm 1904.

Bên cạnh đó, trong những lễ hội lớn của các làng tại nước ta cũng xuất hiện một số các trò diễn dân gian liên quan đến hổ. Tuy nhiên, hổ trong các trò diễn này là do người hóa trang. Thông qua các trò diễn, nhằm ca ngợi sức mạnh, lòng dũng cảm của người dân trong làng. Tiêu biểu là trò bắt cọp trong hệ thống ngũ trò của làng Phú Bật (Thanh Hóa), hay trò Văn Vương diễn cảnh người đi săn và con hổ, trò săn hổ trong Hội Gióng ở Đống Đa...

Kết luận:

Hổ vẫn mãi là hình tượng đẹp để trang trí, để tôn thờ, để ngợi ca về sự dũng mãnh, về sức mạnh kiêu hùng và đôi khi cũng để sẻ chia nỗi lòng của hổ:

*Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?*

*Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương
ngàn?*

Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bùng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu!...

Nhưng có lẽ nỗi đau đớn vì mất tự do ngày xưa của hổ trong tác phẩm Nhớ rừng của Thế Lữ cũng không bằng nỗi khổ ngày nay khi hổ luôn là đối tượng săn bắt của những kẻ bất lương và loài hổ ngoài thiên nhiên của Việt Nam chỉ còn không tới 100 con, trở thành một động vật quý hiếm trong sách đỏ của Việt Nam và thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Thuận An (2007), *Quần thể di tích Huế*, Trẻ, TP. HCM, tr 293 – tr 299.
2. Đinh Gia Khánh (2008), *Địa chỉ văn hóa dân gian Thăng Long Đông Đô Hà Nội*, Hà Nội, tr 531 – tr 534.
3. Sơn Nam (2004), *Đồng bằng sông Cửu Long – nét sinh hoạt xưa và văn minh miệt vườn*, Trẻ, TP. HCM, 423 tr.
4. Bùi Mạnh Nhị (1989), *Truyện cười dân gian Nam Bộ*, TP. HCM, TP. HCM.
5. Tập thể tác giả (1997), *Triết học*, Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 145.